

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2024
« V/v Tranh chấp về xác định cha cho con »

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Thái Quang Định và bà Nguyễn Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Phạm Lã Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 28-02-2024 về “Tranh chấp về xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-4-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST - HNGĐ ngày 17-5-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hải V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: tổ 17, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Vũ Tiến L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: tổ 17, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Trần Tiến D, sinh năm 1982. Địa chỉ: tổ 10A, khu 6B, phường C, thành phố C, Quảng Ninh; vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16-02-2024 và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải V đều trình bày:

Chị V và anh Trần Tiến D kết hôn năm 2003 đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân và chờ giải quyết ly hôn với anh D,

chị V có quan hệ tình cảm với anh Vũ Tiến L. Ngày 19-11-2010, chị V có sinh cho anh L một cháu gái nhưng do chưa ly hôn được với anh D nên chị V vẫn khai sinh tên cho con mang họ anh D là Trần Phương A, họ tên người cha là Trần Tiến D. Ngày 06-12-2013, chị V tiếp tục sinh cho anh L một bé trai nhưng do chưa ly hôn với anh D nên chị V vẫn khai sinh tên cho con mang họ anh D là Trần Công T, họ tên người cha là Trần Tiến D. Ngày 08-6-2015, chị V và anh D được Toà án nhân dân thành phố Uông Bí giải quyết cho ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 78/2015/QĐST -HNGĐ. Nay, chị V làm đơn đề nghị Tòa án xác nhận anh Vũ Tiến L là cha đẻ của cháu Trần Phương A, sinh ngày 19-11-2010 theo giấy khai sinh số 58 (ngày, tháng, năm đăng ký: 27-4-2016) tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh và cháu Trần Công T, sinh ngày 06-12-2013 theo giấy khai sinh số 59 (ngày, tháng, năm đăng ký: 27-4-2016) tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Tại bản tự khai ngày 11-3-2024 của bị đơn anh Vũ Tiến L trình bày: năm 2009, anh L có quen biết và sống chung với chị Nguyễn Thị Hải V. Thời điểm này chị V sống ly thân với anh Trần Tiến D. Do anh D không hợp tác làm thủ tục ly hôn nên chị V vẫn chưa ly hôn được với anh D. Ngày 19-11-2010, chị V có sinh cho anh L một cháu gái nhưng do chưa ly hôn được với anh D nên chị V vẫn khai sinh tên cho con mang họ anh D là Trần Phương A, họ tên người cha là Trần Tiến D. Ngày 06-12-2013, chị V tiếp tục sinh cho anh L một bé trai nhưng do chưa ly hôn với anh D nên chị V vẫn khai sinh tên cho con mang họ anh D là Trần Công T, họ tên người cha là Trần Tiến D. Ngày 08-6-2015, chị V và anh D được Toà án nhân dân thành phố Uông Bí giải quyết cho ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 78/2015/QĐST - HNGĐ. Nay, chị V có yêu cầu Toà án xác định anh L là cha đẻ của cháu Trần Phương A, sinh ngày 19-11-2010 và Trần Công T, sinh ngày 06-12-2013 thì anh L đồng ý với yêu cầu của chị V.

Anh Trần Tiến D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc của Toà án không có lý do, không có quan điểm trình bày. Do vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu xin sao chụp hồ sơ của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải V, Thẩm phán đã trích xuất hồ sơ vụ án thụ lý số 91/2015/TLST - HNGĐ ngày 06-5-2015 của Toà án nhân dân thành phố Uông Bí để bổ sung tài liệu. Tại bản tự khai ngày 21-5-2015 của anh Trần Tiến D trực tiếp tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí trong vụ án giải quyết ly hôn giữa chị V và anh D, quan điểm của anh D như sau: trong quá trình chung sống, anh D và chị V có một con chung là Trần Hưng Th, sinh ngày 27-8-2005. Anh D xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tại Kết luận phân tích ADN số 232091.1IG/DNA ngày 19-12-2023 của Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ Genplus kết luận: Vũ Tiến L có quan hệ huyết thống bố - con với Trần Phương A.

Tại Kết luận phân tích ADN số 232091.2IG/DNA ngày 19-12-2023 của Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ Genplus kết luận: Vũ Tiến L có quan hệ huyết thống bố - con với Trần Công T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định khi thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp và tư cách của những người tham gia tố tụng. Các hoạt động xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo quy định. Do các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án, Thẩm phán quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ. Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS. Việc tổng đạt văn bản cho đương sự, giao tài liệu, quyết định, hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân theo đúng và đầy đủ quy định về pháp luật tố tụng dân sự khi xét xử.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS.

2. Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 88 Luật Hôn nhân gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hải V về việc xác định anh Vũ Tiến L là bố của các cháu Trần Phương A và Trần Công T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hải V yêu cầu xác định anh Vũ Tiến L là cha đẻ của cháu Trần Phương A, sinh ngày 19-11-2010 và Trần Công T, sinh ngày 06-12-2013 được xác định là tranh chấp về xác định cha cho con theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Tiến L cư trú tại tổ 17, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tại phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu và lời trình bày của các đương sự cùng xác định năm 2009 do mâu thuẫn vợ chồng, chị Nguyễn Thị Hải V và anh Trần Tiến D sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân và chờ giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị Hải V có quan hệ tình cảm với anh Vũ Tiến L. Ngày 19-11-2010, chị V có sinh cho anh L một cháu gái nhưng do chưa ly hôn được với anh D nên chị V vẫn khai sinh tên cho con mang họ anh D là Trần Phương A, họ tên người cha là Trần Tiến D. Ngày 06-12-2013, chị V tiếp tục sinh cho anh L một bé trai nhưng do chưa ly hôn với anh D nên

chị V vẫn khai sinh tên cho con mang họ anh D là Trần Công T, họ tên người cha là Trần Tiến D. Ngày 08-6-2015, chị V và anh D được Toà án nhân dân thành phố Uông Bí giải quyết cho ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 78/2015/QĐST -HNGB. Như vậy, cả nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận anh Vũ Tiến L là cha đẻ của cháu Trần Phương A, Trần Công T. Anh Trần Tiến D mặc dù vắng mặt tuy nhiên tại bản tự khai ngày 21-5-2015 của anh Trần Tiến D tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí trong vụ án giải quyết ly hôn giữa chị V và anh D thụ lý số 91/2015/TLST - HNGB ngày 06-5-2015, anh D khẳng định trong quá trình chung sống, anh D và chị V có một con chung là Trần Hưng Th, sinh ngày 27-8-2005. Ngoài ra không có con chung nào khác. Sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn và phần trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với kết luận phân tích ADN số 232091.1IG/DNA và số 232091.2IG/DNA ngày 19-12-2023 của Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ Genplus và phù hợp với khoản 1 Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của chị V cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: anh Vũ Tiến L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 88; khoản 1 Điều 89; Điều 91; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải V về việc xin xác nhận anh Vũ Tiến L (căn cước công dân số 022085013035 do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 19-8-2022) là cha đẻ của cháu Trần Phương A, sinh ngày 19-11-2010 theo giấy khai sinh số 58 (ngày, tháng, năm đăng ký: 27-4-2016) tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh và cháu Trần Công T, sinh ngày 06-12-2013 theo giấy khai sinh số 59 (ngày, tháng, năm đăng ký: 27-4-2016) tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Tuyên xử:

1. Xác định anh Vũ Tiến L, sinh năm 1985. Địa chỉ: tổ 17, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (căn cước công dân số 022085013035 do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 19-8-2022) là cha đẻ của cháu Trần Phương Anh, sinh ngày 19-11-2010 theo giấy khai sinh số 58 (ngày, tháng, năm đăng ký: 27-4-2016) tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh và

cháu Trần Công T, sinh ngày 06-12-2013 theo giấy khai sinh số 59 (ngày, tháng, năm đăng ký: 27-4-2016) tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí: anh Vũ Tiến L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc sau 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- Các đương sự.
- Niêm yết tại trụ sở cơ quan; nơi cư trú (trường hợp cần niêm yết theo quy định).
- UBND phường Y, thành phố U
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đồng